

Số: 1509/ĐHDK-ĐT

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 09 tháng 12 năm 2022

V/v: Báo cáo thực hiện Quy chế
ba công khai năm học 2021 -2022

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện quy chế ba công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017, Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU) báo cáo các nội dung như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế năm học 2021-2022

- Cam kết chất lượng đào tạo: (biểu mẫu 17 đính kèm).
- Thông tin chất lượng đào tạo thực tế: (biểu mẫu 18 đính kèm).

2. Công khai thông tin cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường năm học 2021-2022

- Cơ sở vật chất: (biểu mẫu 19 đính kèm).
- Đội ngũ về giảng viên cơ hữu của Trường: (biểu mẫu 20 đính kèm).

3. Công khai tài chính của Trường năm học 2021-2022

Công khai tài chính (biểu mẫu 21 đính kèm).

4. Địa điểm công khai

Công khai trên Website <http://www.pvu.edu.vn> và Bảng tin của Trường.
PVU kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTTTV (công bố trên website);
- Lưu: VT, ĐT.



TS. Lê Quốc Phong

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 17

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		Liên thông chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Không tuyển sinh	Tuyển sinh	Trường Đại học Dầu khí Việt Nam tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy theo một số phương thức sau: Dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; Dựa trên kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN và ĐHQGHCM và kỳ thi đánh giá tư duy của ĐHBKHN và tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Hàng năm tổ chức 02 kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ. Các công tác đăng ký, thi tuyển, ôn thi, xét tuyển và gọi nhập học tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT.		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>Về mục tiêu đào tạo: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp hoặc tiếp tục học lên cao hơn. Sau một khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm, người học có thể đạt được các mục tiêu đào tạo của chương trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có kiến thức chuyên sâu, có năng lực thiết kế, thi công, sản xuất, năng lực nghiên cứu, sáng tạo và các kiến thức quản lý sản xuất trong lĩnh vực chuyên ngành và quản lý trong các khâu hạ nguồn của ngành dầu khí ▪ Có khả năng phát triển thành các nhân sự chủ chốt trong lĩnh vực chuyên môn cho các doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Công ty Đa Quốc gia, trở thành các nhà khoa học cho các Viện nghiên cứu và các trường Đại học. 		

			<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có bản lĩnh chính trị, đạo đức, học vấn, sức khỏe và các kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp dầu khí hiện đại của Việt Nam và hội nhập Quốc tế. Có thể tiếp tục tự học nâng cao trình độ để đáp ứng những thách thức của môi trường làm việc cạnh tranh, hiện đại và năng động <p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng nhận định và giải quyết các vấn đề kỹ thuật địa chất phức tạp bằng cách áp dụng các nguyên lý kỹ thuật, khoa học và toán học. ▪ Có khả năng áp dụng thiết kế kỹ thuật để đưa ra các giải pháp đáp ứng các nhu cầu cụ thể có cân nhắc đến các vấn đề như sức khỏe cộng đồng, an toàn và phúc lợi, cũng như các yếu tố toàn cầu, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế. ▪ Có khả năng thiết kế và tiến hành thí nghiệm; khả năng phân tích và minh giải tài liệu/số liệu địa chất – địa vật lý, đánh giá các yếu tố kỹ thuật để đưa ra kết luận. ▪ Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và môi trường. ▪ Áp dụng khối kiến thức khoan và khai thác để thiết kế, phân tích và vận hành hệ thống khoan, hệ thống khai thác và hệ thống bơm ép hiệu quả và an toàn. ▪ Áp dụng khối kiến thức công nghệ mỏ vào thực tế trong việc quản lý, phát triển và tối ưu các nguồn tài nguyên. ▪ Sử dụng tài liệu và đánh giá thông tin địa chất và các nguồn tài nguyên và sử dụng các phương pháp kỹ thuật, khối kiến thức khoa học trái đất. ▪ Sử dụng phương pháp định lượng các dự án kinh tế và tài nguyên để thiết kế và đưa ra quyết định trong điều kiện rủi ro và không chắc chắn.
--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> ▪ Áp dụng thiết kế kỹ thuật để đưa ra lời giải cho bài toán gặp phải và có tính tới các yếu tố sức khỏe cộng đồng, an toàn, phúc lợi, cũng như tính chất toàn cầu, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế. ▪ Có kiến thức cơ bản về chuyển dịch và an ninh năng lượng cũng như phát triển bền vững. ▪ Khả năng áp dụng thiết kế kỹ thuật để đưa ra các giải pháp đáp ứng các nhu cầu cụ thể có cân nhắc đến sức khỏe cộng đồng, an toàn và phúc lợi, cũng như các yếu tố toàn cầu, văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế. ▪ Có các kiến thức về các vấn đề phổ biến trong chế biến dầu khí và phương pháp giải quyết: lọc hóa dầu, chế biến khí, đo lường, trao đổi chất, trao đổi nhiệt, điều khiển quá trình, thiết kế thiết bị và nhà máy hóa học. <p>Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau. ▪ Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, trong đó các thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, cùng nhau thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu. ▪ Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, làm việc và nghiên cứu. Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 <p>Về mức tự chủ, trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có ý thức, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp khi xử lý các tình huống kỹ thuật và đưa ra các đánh giá sáng suốt, trong đó có xem xét tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh toàn cầu, kinh tế, môi trường và xã hội. ▪ Có khả năng sử dụng các chiến lược học tập phù hợp, tiếp thu và áp dụng kiến thức mới khi cần thiết.
--	--	--	--	--

III	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>Ngoài thời gian học chính khóa trên lớp SV còn được tham gia các hoạt động của các câu lạc bộ, các diễn đàn, các buổi nói chuyện chuyên đề, tư vấn chọn ngành học do các chuyên gia trong ngành Dầu khí trình bày...Đặc biệt hàng năm Nhà trường xét cấp học bổng cho những SV đạt loại giỏi trong học tập, rèn luyện và học bổng cho SV nghèo vượt khó. Với sự tài trợ của các đơn vị thành viên và các liên doanh trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Nhà trường cũng xây dựng được Nguồn kinh phí tài trợ phát triển SV PVU với ngân sách lên đến hơn 2 tỷ đồng. Nguồn quỹ này sẽ được sử dụng cho các hoạt động và học bổng của SV.</p> <p>- Các hoạt động ngoại khóa: PVU luôn xác định bên cạnh việc học tập thì các hoạt động ngoại khóa đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình SV theo học tại Trường. Hàng năm, Nhà Trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho SV như: xây dựng và đưa vào hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ tiếng Anh, chuyên môn và văn hóa; xây dựng các đội tuyển Olympic các môn khoa học của Nhà trường tham dự các kỳ thi chung toàn Quốc, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tìm hiểu về ngành Dầu khí, các chương trình tình nguyện, an sinh xã hội như thăm, tặng quà cho trẻ em nghèo, gia đình chính sách. Định kỳ tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho SV như: Lễ hội Văn hóa HSSV Dầu khí hàng năm; hội thao SV PVU với nhiều nội dung: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bơi lội, cờ vua, cờ tướng; giao lưu văn nghệ; Ngoài ra, SV nhà trường tích cực tham gia các hoạt động do địa phương tổ chức: tham gia giải chạy vì người nghèo do Ngân hàng BIDV Bà Rịa Vũng Tàu tổ chức, hoạt động hiến máu nhân đạo....</p>	
-----	---	--	---	--

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p>Chương trình đào tạo của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam PVU theo hướng ứng dụng, chất lượng cao, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của Ngành Dầu khí và đạt chuẩn ABET.-Chương trình đào tạo 4 năm được xây dựng trên cơ sở kế thừa các CTĐT tiên tiến của một số trường đại học Mỹ (Texas A&M, Tulsa, Colorado). Hiện tại, PVU có 03 CTĐT trình độ đại học (Ngành Kỹ thuật Địa chất/Chuyên ngành Địa chất-Địa Vật lý Dầu khí; Ngành Kỹ thuật Dầu khí/Chuyên ngành Khoan-Khi thác Mỏ Dầu khí; Ngành Kỹ thuật Hóa dầu/Chuyên ngành Lọc-Hóa Dầu) với tổng số khoảng 155 TC/CTĐT. Trong đó tăng cường khối lượng thực hành, thực tập bằng cách bố trí thực tập ngay từ hè năm thứ nhất. 03 CTĐT trình độ đại học trên đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng ABET năm 2022, với thời hạn đến 6 năm.</p> <p>Cho đến thời điểm hiện tại, PVU đang tuyển sinh và đào tạo 03 chương trình liên kết trình độ đại học với Học viện Mỏ và Công nghệ New Mexico (NMT), Hoa Kỳ (Khoa học Trái đất/Địa chất Dầu khí, Kỹ thuật Dầu khí và Kỹ thuật Hóa học). Các sinh viên hệ liên kết giữa PVU và NMT khóa 1 đã nhập học giai đoạn 2 tại NMT.</p> <p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường xây dựng trên cơ sở tham khảo các CTĐT của Quốc tế. Hiện tại, Nhà trường có 04 CTĐT trình độ thạc sĩ (Ngành Công trình biển liên kết với TU Delft Hà Lan; Kỹ thuật Địa chất/Chuyên ngành Địa chất-Địa Vật lý Dầu khí; Kỹ thuật Dầu khí/Chuyên ngành Khoan-Khi thác Mỏ Dầu khí; Kỹ thuật Hóa dầu/Chuyên ngành Lọc-Hóa Dầu. Từ năm 2023, PVU sẽ tuyển sinh hệ liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật Dầu khí với Học viện Mỏ và Công nghệ New Mexico (NMIMT), Hoa Kỳ.</p>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình		<p>Với các chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, có chất lượng và đạt chuẩn ABET, sinh viên tốt nghiệp sẽ có trình độ chuyên môn cao, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh, kỹ năng trình bày, giải quyết vấn đề vượt trội (thể hiện ở tính sáng tạo và tư duy thực tế) và phương pháp làm việc theo nhóm. Nhờ đó, sinh viên PVU có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu</p>	

	độ sau khi ra trường			ngày càng cao và có tính cạnh tranh của thị trường lao động không chỉ trong nước mà còn Quốc tế ngay sau khi tốt nghiệp. Sinh viên sẽ có cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp dựa trên CTĐT đại học đã đạt chuẩn ABET, đảm bảo tính liên thông cao và dễ dàng đáp ứng các yêu cầu đầu vào của các CTĐT của các trường đại học Quốc tế.	
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			Sau khi tốt nghiệp, với kiến thức chuyên môn và kỹ năng được trang bị, đặc biệt là trình độ tiếng Anh (IELTS 5.5), SV có thể đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động thời kỳ hội nhập. Trong thực tế, 100% Kỹ sư của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, trong đó, khoảng 60% làm việc trong những lĩnh vực được đào tạo như: Các đơn vị trong ngành Dầu khí, các công ty hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại kỹ thuật ngành Dầu khí, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ quan quản lý nhà nước có chuyên môn liên quan. Với chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng ABET, sinh viên PVU tốt nghiệp có thể hội nhập với thị trường lao động Quốc tế.	

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 9 tháng 12 năm 2022



TS. Lê Quốc Phong

Biểu mẫu 18

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của
cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

A. Công khai về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại			
		Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Vừa học vừa làm
	Tổng số				
1	Khối ngành I				
2	Khối ngành II				
3	Khối ngành III				
4	Khối ngành IV				
5	Khối ngành V		45	193	
6	Khối ngành VI				
7	Khối ngành VII				

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khôi ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
1	Kỹ thuật hóa học	27		3	24	100%
2	Kỹ thuật dầu khí	10		3	7	100%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
KHÓA 7					
1	Mô phỏng via		3		TNKQ
2	Mô hình hóa mô tích hợp		3		
3	Kỹ thuật khai thác		3		
4	Đánh giá dự án Dầu khí		3		
5	Thu hồi dầu tăng cường		2		
6	Năng lượng và bền vững		3		
7	Công nghệ khai thác và xử lý (TC6)		1		
8	Thu dọn mỏ (TC6)		1		

9	Đồ án chuyên ngành 2		1	HK1	VD,BC																	
10	Thiết kế nhà máy hóa học		3		HK1	TNKQ																
11	Công nghệ hóa dầu		4				HK1	TNKQ														
12	Sản phẩm dầu mỏ (+Lab)		3						HK1	TNKQ												
13	Mô phỏng và tối ưu hóa nhà máy lọc dầu		3			HK1					TNKQ											
14	TN chuyên ngành 2		2					HK1				VD, BC, TH										
15	TN Kỹ thuật Hóa học		3							HK1		VD, BC, TH										
16	Quá trình sản xuất dầu nhờn và nhiên liệu lỏng tổng hợp		2								HK1	TNKQ										
17	Các chuyên đề		2									HK1	TNKQ									
18	Đồ án chuyên ngành		1	HK1									BC									
KHÓA 8																						
1	Trần tích học		3		HK1		TNKQ															
2	Lý thuyết ma trận và đại số tuyến tính		2						HK1				TNKQ									
3	Địa chất dầu khí		3			HK1								TNKQ								
4	Nhập môn đạo hàm riêng		2					HK1							TNKQ							
5	Lý thuyết trường điện từ		2							HK1						TNKQ						
6	Các phương pháp thăm dò Địa vật lý		3								HK1						TNKQ					
7	Địa vật lý giếng khoan		4									HK1						TNKQ				
8	Tiếng Anh 4		3(4)	HK1															4 kỹ năng			
9	Phương pháp số trong kỹ thuật dầu khí		3																HK1	TNKQ		
10	Chất lưu vis dầu khí		3																		HK1	TNKQ
11	Địa chất dầu khí		3				HK1															
12	Địa cơ học		3										HK1									

13	Hệ thống khai thác dầu khí (+Lab)		4		TNKQ
14	Kỹ thuật khoan		3		
15	Dung dịch khoan (+Lab)		2		
16	Truyền khối		3		
17	Công nghệ chế biến khí		3		
18	Điều khiển quá trình		3		
19	Kỹ thuật phản ứng		3		
20	TN. Hóa lý 1		1		TN
21	Hóa học Polyme		3		TNKQ
22	Hóa lý 1		3		
23	Hóa học dầu mỏ		2		
24	Địa chấn dầu khí		4		
25	Xử lý minh giải tài liệu địa chấn		4		
26	Cơ sở công nghệ mỏ		2		
27	Kinh tế dầu khí		3		
28	An toàn Lao động & Bảo vệ môi trường		2		
29	Địa chất mỏ dầu khí		2		VĐ
30	Đồ án chuyên ngành 1		1		
31	Thực tập nghề nghiệp (Hè)		2		VĐ,BC
32	Đánh giá thành hệ		3		TNKQ
33	Công nghệ mỏ (+Lab)		4		
34	Thử via		3		
35	Hoàn thiện và kích thích giếng		2		BC
36	Đồ án chuyên ngành 1		1		
37	Thực tập nghề nghiệp 2 (Hè)		1		TH,BC
38	Thiết kế thiết bị phản ứng hóa học		3		

39	Thiết kế các thành phần quá trình		3		TNKQ
40	Công nghệ lọc dầu		3		
41	TN Kỹ thuật hóa học		1		TN
42	Đồ án QTTB		2		BC
43	TN chuyên ngành 1		1		TN
44	Thực tập nghề nghiệp 2 (Hè)		1		TH,BC
KHÓA 9					
1	Giải tích 3		2	HK1	TNKQ
2	Hóa đại cương 2		3		TNKQ
3	TN Hóa đại cương 2		1		TN
4	Nhiệt động lực học		3		TNKQ
5	Cơ học lưu chất (+Lab)		3		TNKQ
6	Hóa hữu cơ 1		3		TNKQ
7	TN. Hóa hữu cơ 1		1		TN
8	Phân tích mạch điện (Lab)		2		TNKQ
9	Kỹ năng nghề nghiệp		2		VĐ,TH
10	Tiếng Anh 2		4(3)		4 Kỹ năng
11	Cơ lý thuyết		3		TNKQ
12	Địa chất đại cương		3		TNKQ
13	Giới thiệu hệ thống khoan (+Lab)		4		TNKQ
14	Trần tích học		2		TNKQ
15	Giáo dục thể chất				TH
16	Địa chất đại cương		3		TNKQ
17	Khoáng vật học (+Lab)		3		TNKQ
18	Địa chất công trình, địa chất thủy văn		2		TNKQ
19	TN Vật lý đại cương 2		1		TN

20	Phương trình vi phân		3	HK2	TNKQ
21	Những nguyên lý kỹ thuật hóa học		3		TNKQ
22	Truyền nhiệt (+Lab)		3		TNKQ
23	Nhiệt động cân bằng		3		TNKQ
24	Hóa Phân tích		3		TNKQ
25	TN Hóa phân tích		1		TN
26	Tiếng Anh 3		3(4)		4 Kỹ năng
27	Thực tập nghề nghiệp 1 (hè)		1		TH, BC
28	Sức bền vật liệu (+Lab)		3		TNKQ
29	Vật lý via (+Lab)		4		
30	Điện-Điện tử (+Lab)		2		
31	Địa vật lý đại cương		2		
32	Quá trình vận chuyển chất lưu trong hệ thống khai thác dầu khí		3		
33	Thực tập nghề nghiệp 1 (hè)		1		
34	Xác suất thống kê		2		
35	Thạch học magama và biến chất (Lab)		4		
36	Địa chất cấu tạo (+Lab)		4		
37	Địa vật lý đại cương		3		
38	Tiếng Anh 3		3(4)		4 Kỹ năng
39	Thực tập thực địa ngoài trời (hè)		2	TH, BC	
KHÓA 10					
1	Triết học Mác-Lênin		3		TNKQ
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		2		
3	Giải tích 1		3		

4	Cơ sở kỹ thuật 1 (+Lab)		2	HK1	Trên giấy và trên phần mềm Autocad
5	Hóa đại cương 1		3		TNKQ
6	TN. Hóa đại cương 1		1		TN
7	Nhập môn Dầu khí		2		TNKQ
8	Vật lý đại cương 1		2		
9	TN. Vật lý đại cương 1		1		TN
10	Tiếng Anh dự bị		120 tiết		4 Kỹ năng
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	HK2	TNKQ
12	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2		
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
14	Giải tích 2		3		
15	Cơ sở kỹ thuật 2 (+Lab)		2		
16	Vật lý đại cương 2		2		
17	Vật lý đại cương 2 (Lab)		1		
18	Giáo dục thể chất 1		1		TH
19	Giáo dục thể chất 2				
20	Tiếng Anh 1		3 (4)		4 Kỹ năng

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Ghi chú
1	Sức bền vật liệu	2020		

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Ghi chú
1	Đại học	Ứng dụng các phương pháp tái cấu hình nhằm tối ưu hóa địa hình lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời cho Dự án X, Việt Nam	Trương Hoàng Kha	
2	Đại học	Thiết kế bơm ép CO ₂ trong thu hồi dầu tăng cường	Nguyễn Văn Cảnh	
3	Đại học	Thiết kế bơm ép khí đồng hành cho mỏ X để thu hồi dầu tăng cường	Bùi Anh Kiệt	
4	Đại học	Thiết kế ống chống cho giếng X, mỏ Y.	Huỳnh Thị Thảo Vi	
5	Đại học	Kế hoạch xử lý vùng cận đáy giếng X, mỏ Y	Thiệu Kiều Anh	
6	Đại học	Ứng dụng cách tiếp cận khoa học dữ liệu trong lựa chọn phương án thu dọn mỏ	Đồng Nhật Thiên	
7	Đại học	Tính toán lượng khí tại chỗ và dự báo khai thác cho vỉa khí đa tầng mỏ X thuộc thành hệ Carbonate	Nguyễn Thị Phương Đào	
8	Đại học	Tối ưu bơm ép nước muối với nồng độ thấp cho mỏ X	Nguyễn Hữu Khải	

9	Đại học	Thiết kế hệ gel bút nhét nhằm kiểm soát độ thấm giữa các tập vỉa đối tượng trầm tích mỏ X ở bể Cửu Long	Lê Bảo Quý
10	Đại học	Tính toán thiết kế đầu nối hệ thống xử lý nước cho giàn Sư Tử Nâu	Lê Đức Thắng
11	Đại học	Lựa chọn lưu lượng bơm cho khoan thân giếng 12-1/4" giếng X, bể Cửu Long	Trần Ngọc Trọng
12	Đại học	Tối ưu hoá Gaslift sử dụng thuật toán di truyền cho cụm giếng thuộc mỏ Bạch Hổ	Nguyễn Thành Tiến
13	Đại học	Thiết kế nút vỉa thủy lực giếng X mỏ Y	Tiêu Thị Bảo Hân
14	Đại học	Các phương pháp và kỹ thuật xử lý chất thải ngoài khơi trong thu dọn mỏ X, Việt Nam	Trần Mỹ Xuyên
15	Đại học	Đánh giá khả năng hấp thụ ánh sáng của các loại pin năng lượng mặt trời cho Dự án X, Việt Nam	Nguyễn Đức Duy
16	Đại học	Dự báo lưu lượng khai thác bằng phương pháp cân bằng vật chất cho giếng X, mỏ Y	Châu Tấn Huy
17	Đại học	Các phương pháp tăng độ kết dính của vật liệu EVA trong các tấm pin năng lượng mặt trời	Nguyễn Minh Hiền

18	Đại học	Thiết kế cụm chưng cất khí quyển dầu thô có công suất 8 triệu tấn / năm	Phan Thị Mỹ Ái
19	Đại học	Nghiên cứu chế tạo màng thu hồi hơi xăng dầu bằng phương pháp phủ trên vật liệu nền Polytetrafluoroethylene và Cellulose Acetate	Nguyễn Lê Quang Anh
20	Đại học	Sản xuất nguyên liệu cho hóa dầu từ hỗn hợp cận FCC/ dầu thô Bạch Hổ sử dụng công nghệ cracking sâu và xúc tác FCC đa mao quản	Tô Văn Bảo
21	Đại học	Sản xuất nguyên liệu cho hoá dầu từ dầu thô và VGO sử dụng công nghệ cracking sâu và xúc tác FCC đa mao quản	Nguyễn Thị Bình
22	Đại học	Tổng hợp Ce/monolith để làm mềm hoá điều kiện phản ứng bi-reforming: Ảnh hưởng của điều kiện tổng hợp	Trần Phú Điền
23	Đại học	Nghiên cứu sản xuất Biogas từ rơm thông qua quá trình ủ yếm khí	Đông Khánh Gia
24	Đại học	Xây dựng hệ phản ứng tổng hợp methanol từ syngas năng suất 1000ml/ngày	Trần Thị Thanh Hà
25	Đại học	Nghiên cứu sử dụng vật liệu nano carbon trong cao su thiên nhiên	Nguyễn Ngọc Hải

26	Đại học	Nghiên cứu khả năng chống oxy hóa của cao chiết xuất từ nụ hoa hòe đối với dầu biodiesel	Đỗ Duy Khánh
27	Đại học	Mô phỏng vận chuyển hydro	Nguyễn Cao Kỳ
28	Đại học	Đánh giá các xu hướng công nghệ sản xuất H ₂ và khả năng vượt qua các thách thức của công nghệ bi-reforming CH ₄ -CO ₂ .	Huỳnh Quang Linh
29	Đại học	Nghiên cứu và chế tạo lớp phủ ZnO cấu trúc micro-nano trên đế thép	Trần Hữu Lộc
30	Đại học	Ảnh hưởng hợp phần cerium trong chất xúc tác cho quá trình reforming khí tự nhiên giàu CO ₂	Nguyễn Đình Lộc
31	Đại học	Nghiên cứu quy trình chế tạo xúc tác trên cơ sở Cu, Zn cho phản ứng tổng hợp Methanol từ khí tổng hợp	Nguyễn Hoàng Lượng
32	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của kim loại biến tính tới hiệu quả và hoạt tính của xúc tác reforming khô khí sinh học	Hà Thị Tuyết Mơ
33	Đại học	Tổng hợp Carbon Nanotubes từ CH ₄ và CO ₂	Nguyễn Thị Ngọc Ngân

34	Đại học	Sử dụng plasma lạnh để hoạt hoá khí CO ₂ nhằm cải thiện hiệu suất của quá trình bi-reforming	Trần Thị Thảo Nguyên
35	Đại học	Sử dụng công nghệ Plasma lạnh để hoạt hoá CH ₄ giúp làm mềm hoá phản ứng Reforming	Lê Hữu Phàm
36	Đại học	Xây dựng hệ thống phản ứng sản xuất khí tổng hợp H ₂ /CO (tỷ lệ 2:1) từ khí tự nhiên giàu CO ₂ quy mô 5 lít/phút	Nguyễn Thị Hồng Phúc
37	Đại học	Nghiên cứu chế tạo lớp sơn phủ hệ epoxy kết hợp graphene	Hoàng Thị Phương
38	Đại học	Nghiên cứu động thái dinh dưỡng của ure và ure nhà chậm	Trần Bảo Quốc
39	Đại học	Nghiên cứu và chế tạo bề mặt thép kỵ nước từ sơn epoxy biến tính với graphene	Cao Thế Quyền
40	Đại học	Nghiên cứu giải pháp loại MEG trước khi đi vào thiết bị trao đổi nhiệt E14	Đỗ Văn Sỹ
41	Đại học	Tổng hợp Ce/monolith để làm mềm hoá điều kiện phản ứng bi-reforming: ảnh hưởng của thành phần xúc tác.	Lê Văn Tân

42	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu Carbon Nanotubes từ CH ₄ và CO ₂ bằng phương pháp lắng đọng hơi hóa học (CVD)	Trịnh Duy Tân
43	Đại học	Nghiên cứu chế tạo màng thu hồi hơi xăng dầu bằng phương pháp phủ trên vật liệu nền Polyethersulfones và Nylon	Phạm Ngọc Thạch
44	Đại học	Đánh giá hệ thống xử lý dầu diesel sử dụng trong động cơ tàu biển	Trương Minh Thắng
45	Đại học	Nghiên cứu cải tiến quy trình tổng hợp xúc tác mang trên vật liệu có cấu trúc micro cho phản ứng Fischer – Tropsch.	Lâm Văn Thom
46	Đại học	Thiết kế mô phỏng hệ thống tái hóa khí kho cảng Fast Track LNG của PVGAS bằng phần mềm Hysys	Trương Thị Thủy
47	Đại học	Tính toán hệ thống xả khí Flare cho giàn khoan UK-B	Lê Thị Thùy Trang
48	Đại học	Thiết kế phân xưởng tách và thu hồi LPG cho nhà máy xử lý khí với công suất 10 triệu Sm ³ /ngày từ các mỏ dầu khí thuộc bể Nam Côn Sơn	Nguyễn Thị Thùy Trang
49	Đại học	Nghiên cứu chế tạo màng thu hồi hơi xăng dầu bằng phương pháp phủ trên vật liệu nền Mixed Cellulose Ester và Polypropylene	Chế Ngọc Trung

50	Đại học	Các hướng sử dụng CO2 làm nguyên liệu cho hóa dầu và khảo sát hoạt hóa CO2 cho quá trình bi-reforming	Hồ Nguyễn Thành Trung
51	Đại học	Nghiên cứu biến tính CNTs để tăng khả năng tương hợp của chúng trong các dung môi	Nguyễn Ngọc Trung
52	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng lớp phủ hữu cơ tới khả năng kỵ nước của bề mặt thép	Nguyễn Lê Minh Tuấn
53	Đại học	Đánh giá ăn mòn và thiết kế lựa chọn vật liệu cho cụm xử lý khí nhiên liệu của giàn Đại Hùng - 01 (WHP-DH01) giai đoạn 3	Huỳnh Công Tuyên
54	Đại học	Tính toán thiết kế hệ thống làm khô khí bằng TEG cho giàn nén khí trung tâm	Lê Phúc Vĩ
55	Đại học	Phát hiện vùng áp suất vỉa dị thường và dự báo áp suất vỡ vỉa một số giếng khoan mỏ X	Võ Quốc Vũ

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	06 lớp (quý IV/2021) 04 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam	03 lớp (quý IV/2021) 24 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học

3	Liên doanh dầu khí Việt Nga Vietsovetro	04 lớp (quý IV/2021) 11 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
4	Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	03 lớp (quý IV/2021) 05 lớp (2012)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
5	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam	11 lớp (quý IV/2021) 18 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
6	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	01 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
7	Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	01 lớp (quý IV/2021) 01 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
8	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	01 lớp (quý IV/2021) 05 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
9	PVPower Nhơn Trạch	01 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
10	Chi nhánh PP SP Lọc hoá dầu Nghi Sơn (PVNDB)	04 lớp (quý IV/2021) 03 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
11	Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	01 lớp (quý IV/2021) 02 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học
12	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	03 lớp (quý IV/2021) 03 lớp (2022)	Bồi dưỡng nâng cao	100% nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức
-----	--	-------------------	------------------

1	Hội nghị Khoa học Toàn quốc " Cơ học đá - Những vấn đề đương đại" - VIETROCK 2021"	16/10/2021	Online
2	Hội thảo "Ứng dụng TRIZ trong giải quyết vấn đề một cách sáng tạo"	24/09/2021	
3	Hội thảo quốc tế trực tuyến với chủ đề "Thử thách và cơ hội trong thu dọn mỏ ngoài khơi tại Đông Nam Á và trên thế giới"	13/12/2021	
4	Hội nghị "Kỹ thuật và Khoa học Địa chất Bề mặt Châu Á Thái Bình Dương"	29/11/2021	TP. Hồ Chí Minh

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu tiềm năng đá sinh dầu khí mỏ CTT, bể Cửu Long	ThS. Trần Thị Oanh		49.380.000	

2	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng lên tín hiệu đo của mô đun kiểm tra suy giảm độ dày thành ống hoạt động theo nguyên lý mật độ đường sức từ	PGT.TS. Phạm Hồng Quang		124.728.000	
3	Chế tạo bề mặt kỵ dầu parafin chống lắng đọng wax trong đường ống dẫn dầu	ThS. Nguyễn Văn Kiệt		50.000.000	
4	Nghiên cứu các phương pháp hoàn thiện giếng và tối ưu quản lí khai thác vỉa đa tầng trong các mỏ dầu khí	ThS. Bùi Từ An		49.915.912	
5	Nghiên cứu chế tạo hạt micro-nano ZnO kỵ nước	TS. Nguyễn Thị Phương Nhung		50.000.000	
6	Nghiên cứu và đề xuất hệ dung dịch axit sét mới (GKR+) trong công tác xử lý vùng cận đáy giếng cho giếng vỉa cát kết X, mỏ Bạch Hổ	TS. Nguyễn Văn Hùng		75.107.727	
7	Mô hình hóa tốc độ cơ học khoan (ROP) trên cơ sở dữ liệu khoan thực của mỏ X, và ứng dụng của mô hình	ThS. Nguyễn Hữu Trường		50.000.000	

8	Phát triển hệ hợp kim Mg-5Al-8Sn-xSr-yCa (x=0 và 1 wt.%; y=0; 0.5; và 1.0 wt.%) có khả năng chống ăn mòn cao bằng phương pháp đúc áp lực	TS. Nguyễn Phan Anh		125.000.000	
9	Tổng quan tiềm năng và đánh giá các tiền đề địa chất phục vụ công tác nghiên cứu, tìm kiếm tài nguyên địa nhiệt.	TS. Phạm Bảo Ngọc		50.000.000	
10	Ứng dụng TTNT xử lý tổng hợp tài liệu địa vật lý - địa kỹ thuật phục vụ khảo sát nền móng công trình đường ống dẫn dầu khí khu vực Long Hương, TP. BR, tỉnh BR-VT	TS. Doãn Ngọc San		124.407.000	
11	Nghiên cứu tổng hợp và thử nghiệm hoạt tính sinh học các dẫn xuất amide từ các amino acid tự nhiên	TS. Lê Thanh Thanh		49.990.000	
12	Vai trò của tính ẩn danh đối với dạng ý kiến nhận xét chéo trực tuyến và kết quả học môn Nói tiếng Anh của sinh viên năm hai, trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Phùng Thanh Loan		50.000.000	

13	Ứng dụng mạng nơ ron nhân tạo-ANN và phần mềm ANSYS để thiết kế tối ưu cơ cấu trục quay trượt không gian với khớp nối hình cầu	TS. Vũ Minh Hùng		74.940.000	
14	Nghiên cứu giải pháp sử dụng thiết bị tách Preflash Drum nhằm nâng cao hiệu quả chưng cất dầu thô tại nhà máy lọc dầu Dung Quất	Ngô Châu Vĩ Khang		9.440.000	
15	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence, AI) xử lý tổng hợp và minh giải tài liệu Địa vật lý Giếng khoan lô X khu vực Y.	Trần Thị Nhung		9.440.000	
16	Ứng dụng học máy trong dự đoán đường cong sonic (sóng P) cho giếng X, Y dựa trên số liệu từ các giếng lân cận tại mỏ Volve.”	Đồng Nhật Thiên		9.440.000	
17	Nghiên cứu đặc điểm môi trường trầm tích Miocen giữa, cấu tạo S, Lô 05-1, bể Nam Côn Sơn trên cơ sở tài liệu địa chất, địa vật lý	Ngô Minh Trường		11.440.000	

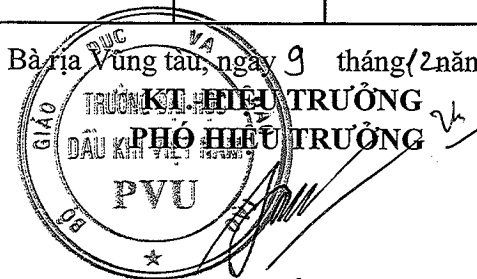
18	Nghiên cứu các phương pháp xử lý vùng cận đáy giếng và đánh giá hệ dung dịch axit sét đang sử dụng nhằm gia tăng lưu lượng khai thác dầu cho các giếng vỉa cát kết mỏ Bạch Hồ	Đường Tú Quyên		8.970.000	
19	Nghiên cứu và chế tạo lớp phủ micro / nano ZnO lên trên bề mặt thép	Lư Hoàng Kha		11.440.000	
20	Nghiên cứu ảnh hưởng hoá học bề mặt lên tính kỵ nước của bề mặt thép bằng phương pháp phủ và biến đổi hoá học bề mặt	Phạm Đình Hải		11.440.000	
21	Nghiên cứu các loại nhà máy năng lượng địa nhiệt và ứng dụng tại Việt Nam	Trương Ngọc Anh		8.955.000	
22	Ứng dụng phần mềm MATLAB để nghiên cứu đặc tính động lực học và điều khiển cho hệ 2 bồn chứa thông nhau	Võ Dương Việt Nhân		8.751.000	

Lựa chọn lưu lượng bơm, tải trọng lên chông, tốc độ vòng quay của phương pháp khoan xoay bằng phương pháp năng lượng riêng (MSE) khi khoan thân giếng đường kính 8-1/2'' giếng X, mỏ Bạch Hổ.	Nguyễn Hữu Lộc	9.940.000
---	----------------	-----------

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận		Ghi chú
					Ngày cấp	Giá trị đến	
1	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	2019	Cao	6.4.2020	6.4.2020	6.4.2025	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các Trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam
2	03 Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hóa học Kỹ thuật Dầu khí Kỹ thuật Địa chất	2021	Đạt với thời hạn cao nhất đến 6 năm	30.8.2022	30.8.2022	30.8.2022	Đạt chuẩn Kiểm định chất lượng ABET, Hoa Kỳ

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 9 tháng 2 năm 2022



TS. Lê Quốc Phong

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học năm 2021-2022

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở quản lý sử dụng Trong đó:				
a	Trụ sở chính	4,806		4,806	
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại....				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:				
a	Trụ sở chính	3,650		3,650	
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại....				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng,

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
I	Phòng thí nghiệm							
1	Phòng thí nghiệm Cơ ứng dụng	1	Thực hành các bài TN Cơ học ứng dụng	GV, NCS, CH và SV	68		68	
2	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật nhiệt & Cơ học chất lưu	1	Thực hành các bài TN Kỹ thuật nhiệt & Cơ học chất lỏng	GV, NCS, CH và SV	95		95	
3	Phòng thí nghiệm Phân tích tiên tiến	1	Thực hành các bài TN chống ăn mòn	GV, NCS, CH và SV	55		55	
4	Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử	1	Thực hành các bài TN Điện – Điện tử	GV, NCS, CH và SV	55		55	
5	Phòng thí nghiệm Hóa đại cương	1	Thực hành các bài TN Hóa học đại cương	GV, NCS, CH và SV	140		140	
6	Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương	1	Thực hành các bài TN Vật lý đại cương	GV, NCS, CH và SV	110		110	
7	Phòng thí nghiệm Công nghệ mở	1	Thực hành các bài TN Công nghệ mở	GV, NCS, CH và SV	63		63	

8	Phòng thí nghiệm Công nghệ khoan	1	Thực hành các bài TN Công nghệ khoan	GV, NCS, CH và SV	110		110	
9	Phòng thí nghiệm Trưng bày thiết bị công nghệ khoan và thạch học	1	Trưng bày thiết bị công nghệ khoan và thạch học	GV, NCS, CH và SV	110		110	
10	Phòng Gia công và chuẩn bị mẫu	1	Thực hành gia công và chuẩn bị mẫu	GV, NCS, CH và SV	55		55	
11	Phòng thí nghiệm Khoáng - Thạch học	1	Thực hành các bài TN Khoáng - Thạch học	GV, NCS, CH và SV	78		78	
12	Phòng thí nghiệm Phân tích địa hóa	1	Thực hành các bài TN Phân tích địa hóa	GV, NCS, CH và SV	68		68	
13	Phòng thí nghiệm Minh giải địa chấn	1	Thực hành các bài TN Địa vật lý	GV, NCS, CH và SV	112		112	
14	Phòng thí nghiệm Quá trình thiết bị & Công nghệ hóa học	1	Thực hành các bài TN Quá trình thiết bị & Công nghệ hóa học	GV, NCS, CH và SV	102		102	
15	Phòng thí nghiệm Lọc - Hóa dầu	1	Thực hành các bài TN Lọc - Hóa dầu	GV, NCS, CH và SV	60		60	
16	Phòng thí nghiệm Phân tích dầu mỏ	2	Thực hành các bài TN Phân tích dầu mỏ	GV, NCS, CH và SV	60		60	

17	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích	1	Thực hành các bài TN Hóa phân tích và hóa vô cơ	GV, NCS, CH và SV	68		68	
18	Phòng thí nghiệm Hóa hữu cơ	1	Thực hành các bài TN Hóa hữu cơ	GV, NCS, CH và SV	60		60	
19	Phòng thí nghiệm Hóa lý	1	Thực hành các bài TN Hóa lý	GV, NCS, CH và SV	95		95	
20	Phòng thí nghiệm Công nghệ chế biến khí	1	Thực hành các bài TN Công nghệ chế biến khí	GV, NCS, CH và SV	68		68	
21	Phòng thí nghiệm Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo	1	Thực hành các bài TN Nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo	GV, NCS, CH và SV	55		55	
22	Phòng thí nghiệm Công nghệ khai thác	1	Thực hành các bài TN Công nghệ khai thác	GV, NCS, CH và SV	63		63	
II	Hội trường	1	Tổ chức hội thảo, chuyên đề, giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	180		180	
III	Phòng học							
24	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	1	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	140		140	
25	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	4	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	350		350	
26	Phòng học dưới 50 chỗ	11	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	605		605	

27	Phòng học đa phương tiện	5	Giảng dạy	GV, NCS, CH và SV	460		460	
IV	Thư viện	1	Tìm kiếm thông tin, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	GV, NCS, CH và SV	165		165	

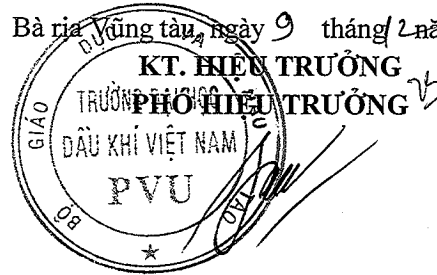
C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	1
2	Số chỗ ngồi đọc	48
3	Số máy tính của thư viện	13
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	4373
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	6

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	20.8
2	Diện tích sàn/sinh viên	15.1

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 9 tháng 2 năm 2022



TS. Lê Quốc Phong

	Ngành....											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy					
1	Khối ngành I										
										
2	Khối ngành II										
										
3	Khối ngành III										
4	Khối ngành IV										
5	Khối ngành V										
1	Doãn Ngọc San	18/8/1962	Nam	GVC	TS	Kỹ Thuật Địa chất					
2	Đỗ Thị Thùy Linh	1/10/1982	Nữ	GV	TS						
3	Nguyễn Diệu Nương	23/12/1973	Nữ	GV	TS						
4	Phạm Huy Giao	1958	Nam	PGS	TS						
5	Trần Thị Oanh	7/11/1988	Nữ	GV	ThS						
6	Nguyễn Thị Hải Hà	11/10/1989	Nữ	GV	ThS						
7	Nguyễn Thanh Tùng	22/1/1971	Nam	GV	TS						
8	Phạm Bảo Ngọc	1/10/1984	Nữ	GV	TS						
9	Lê Phước Hào	1/12/1955	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật Dầu khí					
10	Bùi Thanh Bình	28/8/1985	Nam	GV	TS						
11	Phạm Quang Khánh	17/9/1964	Nam	GV	TS						
12	Nguyễn Thế Tuấn Linh	16/9/1985	Nam	GV	TS						
13	Bùi Từ An	16/11/1977	Nam	GV	ThS						
14	Phạm Hữu Tài	18/11/1983	Nam	Trợ giảng	ThS						
15	Nguyễn Việt Khôi Nguyễn	26/11/1987	Nam	Trợ giảng	ThS						

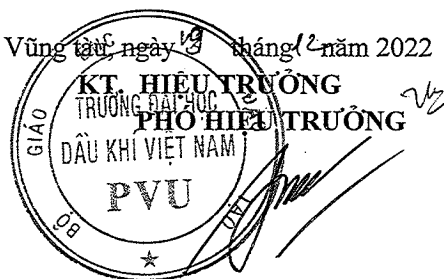
16	Lương Hải Linh	22/8/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS	
17	Nguyễn Hữu Trường	22/6/1977	Nam	Trợ giảng	ThS	
18	Lê Thị Huyền	23/12/1983	Nữ	Trợ giảng	TS	
19	Vũ Thế Quang	30/5/1988	Nam	Trợ giảng	ThS	
20	Phan Minh Quốc Bình	22/6/1975	Nam	GV	TS	
21	Mai Thị Quỳnh Châu	28/10/1978	Nam	GV	TS	
22	Trương Thanh Tuấn	4/6/1987	Nam	GV	TS	
23	Lê Thanh Thanh	21/8/1983	Nữ	GV	TS	
24	Nguyễn Thị Minh Hiền	8/11/1949	Nữ	PGS	TS	
25	Đàm Thị Thanh Hải	3/11/1983	Nữ	Trợ giảng	TS	
26	Nguyễn Thị Phương Nhung	20/10/1983	Nữ	Trợ giảng	TS	Kỹ thuật Hóa học
27	Dương Chí Trung	11/12/1983	Nam	GV	TS	
28	Lê Thị Mỹ Linh	5/1/1986	Nữ	GV	TS	
29	Nguyễn Văn Kiệt	20/6/1983	Nam	Trợ giảng	ThS	
30	Nguyễn Trung Khương	9/8/1979	Nam	GV	TS	
31	Phạm Châu Quỳnh	17/6/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS	
32	Lê Văn Sỹ	15/7/1979	Nam	PGS	TS	Môn chung
33	Phạm Hồng Quang	27/11/1958	Nam	PGS	TS	Môn chung
34	Lê Quốc Phong	2/12/1967	Nam	GV	TS	Môn chung
35	Trần Hữu Nam	31/8/1973	Nam	GV	TS	Môn chung
36	Vũ Minh Hùng	11/4/1981	Nam	GV	TS	Môn chung
37	Trịnh Quang Trung	10/2/1983	Nam	GV	TS	Môn chung
38	Võ Quốc Thắng	1/5/1985	Nam	GV	TS	Môn chung
39	Đào Đức Cường	30/3/1984	Nam	GV	TS	Môn chung
40	Nguyễn Thu Hồng	10/8/1981	Nữ	GV	ThS	Môn chung

41	Ngô Thu Kiều	8/7/1977	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
42	Nguyễn Phan Anh	30/11/1984	Nam	Trợ giảng	ThS	Môn chung
43	Nguyễn Tố Nga	23/10/1985	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
44	Nguyễn Thị Thanh Hà	18/1/1984	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
45	Nguyễn Hoàng Ngọc Tú	28/1/1989	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
46	Phùng Thanh Loan	5/8/1988	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
47	Nguyễn Thị Hà Phương	25/12/1986	Nữ	Trợ giảng	ThS	Môn chung
48	Trần Ngọc Cung	6/2/1988	Nam	Trợ giảng	ĐH	Môn chung
49	Lê Quốc Huy	31/10/1985	Nam	Trợ giảng	ĐH	Môn chung

II Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

1	Khối ngành I							
2	Khối ngành II							
3	Khối ngành III							
4	Khối ngành IV							
5	Khối ngành V				4,2			
6	Khối ngành VI							
7	Khối ngành VII							

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 19 tháng 1 năm 2022



TS. Lê Quốc Phong



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Biểu mẫu 21
THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm học	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm	30.000.000 VNĐ (1.000.000 VNĐ/tín chỉ x 30 tín chỉ)	60.000.000 VNĐ
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm	15.000.000 - 17.000.000 VNĐ	60.000.000 VNĐ - 68.000.000 VNĐ
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm	72.000.000-79.000.000 VNĐ tại Việt Nam 9.660 - 10.278 USD tại Mỹ	144.000.000 - 158.000.000 VNĐ tại Việt Nam 19.320 - 20.556 USD tại Mỹ
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		

III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng	54,673.50	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	31,820	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	3,164	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ	Tỷ đồng	6,081	
4	Từ các nguồn thu nhập khác	Tỷ đồng	13,609	

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 9 tháng 2 năm 2022



TS. Lê Quốc Phong